

PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN Ở VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN MỚI: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Đông Thị Hồng¹

Tóm tắt: Việt Nam là một quốc gia ven biển với nhiều lợi thế để phát triển kinh tế biển. Thời gian qua, phát triển kinh tế biển đã trở thành định hướng chiến lược quan trọng trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các ngành kinh tế như vận tải biển, khai thác thủy sản, công nghiệp ven biển, năng lượng tái tạo và du lịch biển đang dần trở thành trụ cột thúc đẩy tăng trưởng vùng ven biển cũng như cả nước. Tuy nhiên, quá trình phát triển này vẫn còn đối mặt với nhiều vấn đề như: khai thác tài nguyên thiếu kiểm soát, ô nhiễm nước biển và suy giảm đa dạng sinh học ven bờ. Vì vậy, bài viết tập trung làm rõ khái niệm kinh tế biển và phát triển kinh tế biển; phân tích thực trạng phát triển kinh tế biển ở Việt Nam hiện nay trên ba lĩnh vực chính gồm: (1) Giao thông vận tải biển và logistics; (2) Nuôi trồng và khai thác thủy hải sản; và (3) Du lịch biển, đảo. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất giải pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế biển trong kỷ nguyên mới của dân tộc Việt Nam.

Từ khóa: Du lịch biển; Giao thông biển; Kinh tế biển; Kỷ nguyên mới.

MARINE ECONOMY DEVELOPMENT IN VIETNAM IN THE NEW ERA: CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS

Abstract: Vietnam is a coastal nation with significant advantages for developing its marine economy. In recent years, marine economic development has become a key strategic orientation within the country's overall socio-economic development. Sectors namely maritime transport, fisheries exploitation, coastal industries, renewable energy, and marine tourism are gradually becoming pillars that drive growth in coastal regions as well as the nation as a whole. However, this development process still faces several challenges, including uncontrolled resource exploitation, marine pollution, and the decline of coastal biodiversity. Therefore, the paper aims to clarify the concepts of the marine economy and marine economic development; analyze the current situation of Vietnam's marine economy in three main areas: (1) Maritime transportation and logistics; (2) Aquaculture and fisheries exploitation; and (3) Marine and island tourism. In so doing, the paper proposes solutions to promote the development of Vietnam's marine economy in the new era.

Keywords: Marine tourism; Maritime transportation; Marine economy; New era.

Nộp bản thảo: 26/03/2025

Chấp nhận đăng: 10/7/2025

¹ TS., Trường Đại học Lao động xã hội; email liên hệ: donghong1978@gmail.com.

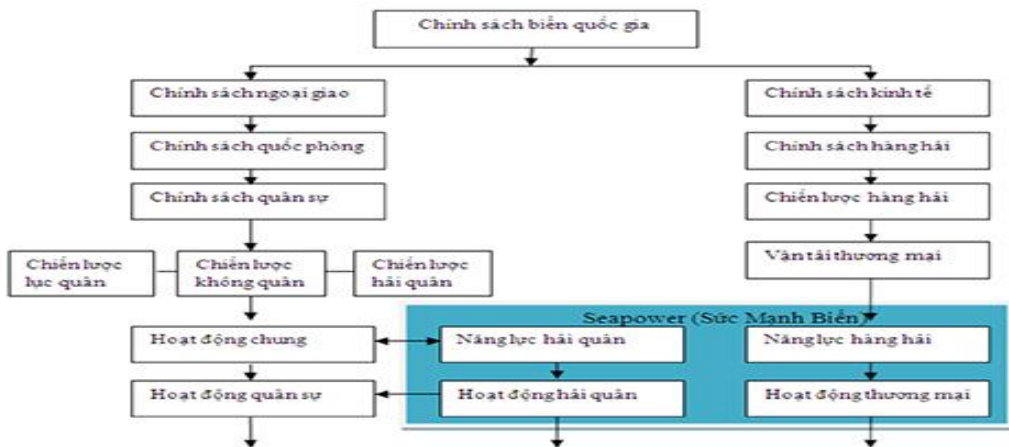
1. Giới thiệu

Kinh tế biển đã được hình thành từ thời cổ đại và ngày càng được các quốc gia, dân tộc quan tâm, đầu tư. Diện tích đại dương bao phủ khoảng 70% bề mặt quả địa cầu và các nguồn hải sản, sinh vật biển, năng lượng, tài nguyên từ biển là vô cùng lớn. Do đó, trong một thế giới mà cạnh tranh thương mại đang ngày càng khốc liệt, phát triển kinh tế biển là một lĩnh vực kinh tế quan trọng, là động lực tăng trưởng của nhiều quốc gia trên thế giới.

Ngay từ thời cổ đại, các quốc gia ven biển đã coi trọng khai thác các nguồn lợi từ biển để gia tăng sức mạnh tổng hợp của đất nước, nhất là việc quan tâm phát triển các lĩnh vực vận chuyển hàng hóa bằng đội tàu thuyền thương mại lớn, sức mạnh hải quân và các căn cứ, cảng trên biển. Đây chính là nền tảng về sức mạnh biển “seapower” mà học giả Alfred Mahan đã đưa ra thành lý thuyết vào năm 1890. Trong bối cảnh mới của thời đại bùng nổ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Dư Văn Toán (2024) cho rằng, sức mạnh biển quốc gia hiện đại bao gồm nhiều thành tố phức hợp. Theo đó, những yếu tố mới của sức mạnh biển đến từ năng lực hàng hải, khả năng của công nghệ biển, khả năng kết nối trong hợp tác, liên minh với các quốc gia biển, các tổ chức quốc tế,... và tất cả đều chịu tác động từ chính sách biển của quốc gia đó (xem sơ đồ minh họa Hình 1).

Ở Việt Nam, kinh tế biển giữ vai trò then chốt trong sự phát triển kinh tế - xã hội nhờ vào lợi thế với hơn 3.260km đường bờ biển và vùng biển rộng lớn. Các ngành kinh tế biển như thủy sản, du lịch biển, vận tải hàng hải, khai thác dầu khí và năng lượng tái tạo đã góp phần quan trọng vào tăng trưởng GDP, tạo việc làm, thúc đẩy xuất khẩu và hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, phát triển kinh tế biển còn gắn liền với bảo vệ chủ quyền biển đảo và an ninh quốc gia. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu và xu hướng phát triển bền vững, Việt Nam đang hướng tới xây dựng một nền kinh tế biển xanh, hiện đại và có giá trị gia tăng cao, đóng góp tích cực cho chiến lược phát triển lâu dài của đất nước. Vì thế, Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm xây dựng các chính sách, chiến lược biển Việt Nam, đề tập trung phát huy nguồn lực từ kinh tế biển; từ đó đạt được những kết quả quan trọng, đặc biệt là trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

HÌNH 1. SƠ ĐỒ CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH SỨC MẠNH BIỂN



Nguồn: Tác giả tổng hợp dựa theo Alfred T. Mahan (1890) và Nguyễn Chu Hồi (2011).

2. Cơ sở lý thuyết

Kinh tế biển

Kinh tế biển là một thuật ngữ được nhiều nhà khoa học quan tâm, nghiên cứu, nhất là trong những năm gần đây. Tùy thuộc vào cách tiếp cận và góc độ nghiên cứu khác nhau mà các học giả, nhà khoa học có thể đưa ra các quan niệm về kinh tế biển.

Tiếp cận dưới góc độ hệ thống, đa chiều, Xu Zhibin (1995) quan niệm: nền kinh tế biển được gọi là một sản phẩm đầu vào và đầu ra, cung và cầu, nguồn tài nguyên biển, không gian biển, điều kiện môi trường biển trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến hoạt động kinh tế. Theo đó, ông chia ra ba cấp độ của kinh tế biển gồm kinh tế biển theo nghĩa hẹp, kinh tế biển theo nghĩa rộng và kinh tế trên đảo, cũng như hệ thống đất ven biển công nghiệp, trong đó có nền kinh tế đảo và nền kinh tế ven biển. Charles S. Colgan (2007) tiếp cận dưới góc độ kinh tế ngành chức năng đã khẳng định: kinh tế biển là những hoạt động có nguồn gốc từ biển. Cụ thể gồm hoạt động liên quan đến biển như khai thác biển, hải sản và ngành vận tải biển. Park Brian Roach, Jonatan Rubin & Charles Morris (1999,) nghiên cứu từ góc độ chuỗi giá trị hàng hóa và dịch vụ đã nêu khái niệm: kinh tế biển là các hoạt động kinh tế diễn ra trên biển và cả các hoạt động cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan đến biển.

Khi nghiên cứu ứng dụng vào thực tiễn Việt Nam, Đào Duy Quát và Phạm Văn Linh (2008) cho rằng: kinh tế biển là hoạt động kinh tế có ba lợi ích kinh tế phục vụ con người rõ ràng nhất là vận tải đường biển, khai thác nguồn tài nguyên phong phú của biển và du lịch, viễn thông. Dưới góc độ quản lý, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (1996) cho rằng: kinh tế biển là sự kết hợp hữu cơ giữa các hoạt động kinh tế diễn ra trên biển và các hoạt động kinh tế trên dải đất liền ven biển, trong đó biển chủ yếu đóng vai trò vùng khai thác nguyên liệu, là môi trường cho các hoạt động vận tải, du lịch biển,... còn toàn bộ các hoạt động sản xuất và phục vụ khai thác biển lại nằm trên dải đất liền ven biển. Do vậy, khi nói đến kinh tế biển không thể tách vùng biển với vùng ven biển và ngược lại.

Bùi Tất Thắng (2007) đưa ra quan niệm: kinh tế biển hiểu theo nghĩa hẹp là toàn bộ hoạt động kinh tế diễn ra trên biển, chủ yếu gồm kinh tế hàng hải (vận tải biển và dịch vụ cảng biển); hải sản (đánh bắt và nuôi trồng hải sản); khai thác dầu khí ngoài khơi; du lịch biển; làm muối; dịch vụ tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn; kinh tế đảo. Trên cơ sở tổng hợp, so sánh, Lê Quốc Bang (2018) rút ra khái niệm từ nghiên cứu về quan niệm kinh tế biển của một số nhà khoa học, nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế: kinh tế biển là toàn bộ các hoạt động kinh tế diễn ra trên biển và các hoạt động kinh tế trực tiếp liên quan đến khai thác biển.

Từ các cách tiếp cận, quan niệm, khái niệm đề cập ở trên, tác giả rút ra khái niệm theo nghĩa chung nhất: kinh tế biển là toàn bộ hoạt động kinh tế diễn ra trên biển và có liên quan đến biển nhằm khai thác các thế mạnh, tiềm năng của biển, đảo, phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia có biển.

Phát triển kinh tế biển

Theo Từ điển tiếng Việt, thuật ngữ “phát triển” là động từ, được hiểu là sự “biến đổi hoặc làm cho biến đổi từ ít đến nhiều, hẹp đến rộng, thấp đến cao, đơn giản đến phức tạp” (Viện Ngôn ngữ học, 2003). Theo chủ nghĩa Mác - Lênin, phát triển là sự vận động theo hướng đi lên, từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện của sự vật; sự phát triển không diễn ra theo đường thẳng mà quanh co phức tạp thậm chí có những bước lùi. Như vậy, phát triển là

một thuật ngữ dùng để chỉ quá trình vận động của sự vật theo khuynh hướng đi lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn.

Từ các phân tích ở trên, có thể rút ra khái niệm: Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển là tổng hợp các cách thức, biện pháp mà các chủ thể, lực lượng sử dụng để làm cho hoạt động kinh tế diễn ra trên biển và có liên quan đến biển được mở rộng cả về chất lượng, phạm vi, quy mô và hiệu quả, qua đó khai thác tối đa các nguồn lợi từ biển một cách bền vững, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội đất nước tăng trưởng nhanh, bền vững.

3. Thực trạng phát triển kinh tế biển của Việt Nam

3.1. Quan điểm và định hướng phát triển kinh tế biển ở Việt Nam

Việt Nam là quốc gia ven biển với đường bờ biển dài 3.260km, vùng đặc quyền kinh tế hơn 1 triệu km², gấp ba lần diện tích đất liền. Biển Đông không chỉ giàu tài nguyên như dầu khí, khí hydrate (băng cháy), hải sản, mà còn là tuyến giao thương hàng hải trọng yếu toàn cầu, nối liền Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Hơn 3.000 đảo và quần đảo cùng khu vực thềm lục địa phong phú giúp Việt Nam có tiềm năng to lớn để phát triển các ngành kinh tế biển hiện đại.

Phát triển kinh tế biển được Việt Nam xác định là một định hướng chiến lược trọng yếu trong tiến trình phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Đây không chỉ là động lực tăng trưởng kinh tế dài hạn, mà còn là giải pháp then chốt nhằm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, thúc đẩy hội nhập quốc tế và ứng phó với biến đổi khí hậu. Quan điểm này được thể hiện rõ trong các văn kiện quan trọng của Đảng như Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 22/9/1997 của Bộ Chính trị: lần đầu tiên đề ra chủ trương phát triển kinh tế biển theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 9/2/2007 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã ban hành Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, khẳng định vai trò của biển trong phát triển bền vững. Đặc biệt, ngày 22/10/2018, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 8 khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, xác lập mục tiêu đưa Việt Nam trở thành một quốc gia mạnh về biển, thông qua việc phát triển kinh tế biển trên nền tảng khoa học - công nghệ, quản trị tài nguyên bền vững và tăng cường năng lực quốc phòng - an ninh trên biển. Kinh tế biển không chỉ còn giới hạn ở các ngành truyền thống như khai thác dầu khí, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, vận tải hàng hải hay du lịch biển, mà đã mở rộng sang các lĩnh vực tiềm năng như điện gió ngoài khơi, khai khoáng biển sâu, công nghiệp phụ trợ cảng biển, và nghiên cứu - công nghệ biển. Bên cạnh đó, chiến lược quốc gia cũng đề cao vai trò của cộng đồng ven biển và cư dân hải đảo, xem họ là nhân tố trung tâm trong bảo vệ nguồn lợi biển và gìn giữ môi trường sinh thái biển bền vững. Tổng thể, quan điểm phát triển kinh tế biển của Việt Nam là một định hướng tổng hợp, tích hợp các yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường và quốc phòng, nhằm bảo đảm phát triển hài hòa, hiệu quả và lâu dài.

Cụ thể hoá chủ trương và quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế biển, ngày 21/6/2012, Quốc hội khóa XII đã thông qua và ban hành Luật biển Việt Nam. Theo Luật này, các quy định về tập trung phát triển các ngành kinh tế biển, quy hoạch kinh tế biển, trách nhiệm quản lý Nhà nước với kinh tế biển, ... đã tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho phát triển kinh tế biển. Trước tình hình mới liên quan đến phát triển kinh tế biển, ngày 28/6/2024, tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV đã biểu quyết thông qua Nghị quyết số 139/2024/QH15 về Quy hoạch không gian biển quốc gia thời

kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quy hoạch này đã cụ thể hoá các chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế biển và Luật biển Việt Nam năm 2012.

Bên cạnh đó, Chính phủ ban hành Quyết định số 203/QĐ-TTg, ngày 6/2/2020, của Thủ tướng Chính phủ, “Về việc thành lập Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” với mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển, tận dụng tối đa tiềm năng biển đảo để phát triển các ngành mũi nhọn như cảng biển, logistics, dầu khí, thủy sản, năng lượng tái tạo, du lịch biển... Đồng thời, Chính phủ cũng ban hành nhiều nghị quyết, quyết định, chương trình... nhằm từng bước thực hiện các định hướng phát triển kinh tế biển đã nêu: Nghị quyết số 26/NQ-CP, ngày 5/3/2020 của Chính phủ về “Ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; Quyết định số 896/QĐ-TTg, ngày 26/6/2020 “Về phê duyệt Chương trình tăng cường năng lực và hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ quản lý tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030”; Chỉ thị số 31/CT-TTg, ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ “Về đổi mới và tăng cường tổ chức thực hiện chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030”; Nghị định số 11/2021/NĐ-CP, ngày 10/2/2021 của Chính phủ về “Quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển”; Quyết định số 28/QĐ-TTg, ngày 7/1/2020 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030”; Quyết định số 729/QĐ-TTg, ngày 16/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc phê duyệt Chương trình truyền thông về biển và đại dương đến năm 2030”.

Những chủ trương và chính sách nêu trên cho thấy Việt Nam đang kiên định với mục tiêu xây dựng nền kinh tế biển hiện đại, bền vững và có sức cạnh tranh khu vực. Điều này không chỉ nhằm phát huy tối đa tiềm năng biển mà còn góp phần bảo vệ chủ quyền, an ninh - quốc phòng, nâng cao chất lượng sống của cư dân ven biển và bảo vệ môi trường sinh thái biển trong dài hạn.

3.2. Một số kết quả đạt được và thách thức trong phát triển kinh tế biển Việt Nam

Nghị quyết số 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII định hướng chiến lược phát triển kinh tế biển Việt Nam với sáu lĩnh vực kinh tế biển được ưu tiên thúc đẩy gồm: (1) Du lịch và dịch vụ biển; (2) Phát triển giao thông vận tải biển và logistics; (3) Khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác; (4) Nuôi trồng và khai thác thủy hải sản; (5) Công nghiệp ven biển; (6) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới. Trong nghiên cứu này tác giả đi vào ba lĩnh vực trọng tâm của kinh tế biển là: Giao thông vận tải biển và logistics vì đây là huyết mạch lưu thông và hội nhập quốc tế; Nuôi trồng và khai thác thủy hải sản vì đây là trụ cột sinh kế, an ninh lương thực và xuất khẩu; Du lịch biển đảo vì đây là ngành có tốc độ tăng trưởng nhanh, giá trị lan toả cao.

Về giao thông vận tải biển và logistics

Theo Báo cáo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Việt Nam hiện có hệ thống cảng biển phát triển với hơn 320 bến cảng, trong đó có 34 cảng biển quy mô lớn, với tổng công suất hơn 700 triệu tấn hàng hóa mỗi năm. Các cảng quan trọng bao gồm Cát Lái (TP. Hồ Chí Minh) - cảng container lớn nhất Việt Nam với công

suất khoảng 6 triệu TEU/năm, cảng Lạch Huyện (Hải Phòng) có thể tiếp nhận tàu trọng tải lên đến 100.000DWT và cảng Cái Mép - Thị Vải (Bà Rịa - Vũng Tàu) là một trong những cảng trung chuyển hàng hóa quốc tế trọng điểm.

Tuy nhiên, hạ tầng giao thông kết nối giữa các cảng biển vẫn còn hạn chế. Theo Bộ Giao thông Vận tải (2023), khoảng 70% lượng hàng hóa vận chuyển đến các cảng biển phải thông qua đường bộ, làm tăng chi phí logistics. Theo Bộ Công Thương (2024), chi phí logistics của Việt Nam chiếm khoảng 16-17% GDP, cao hơn mức trung bình của thế giới là 10-12%. Các bến cảng lớn vẫn chưa được đầu tư đồng bộ, dẫn đến tình trạng ách tắc và hiệu suất hoạt động chưa cao. Ví dụ, tỷ lệ sử dụng cầu bến tại cảng Cát Lái thường xuyên đạt 85-90%, gây áp lực lớn lên hệ thống hạ tầng. Ngoài ra, hệ thống chính sách vẫn còn chưa đồng bộ, khiến việc khai thác giao thông biển chưa đạt hiệu quả cao.

Về nuôi trồng và khai thác thủy hải sản

Ngành khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản nuôi trồng và khai thác thủy hải sản sản đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế biển của Việt Nam, đóng góp khoảng 3-4% GDP quốc gia. Cụ thể, tình hình khai thác và nuôi trồng thủy sản ở nước ta được thể hiện qua ở Bảng 1.

BẢNG 1. SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NĂM 2020-2024

Năm	Sản lượng (Nghìn tấn)			Tốc độ phát triển (%)		
	Tổng số	Khai thác	Nuôi trồng	Tổng số	Khai thác	Nuôi trồng
2020	8.635,7	3.896,5	4.739,2	192,5	101,8	103,2
2021	8.826,7	3.938,8	4.887,9	102,2	101,1	103,1
2022	9.108,0	3.874,2	5.233,8	103,2	98,4	107,1
2023	9.217,1	3.814,7	5.502,4	102,3	98,4	105,1
Ước tính 2024	9.547,0	3.825,4	5.721,6	102,5	100,3	104,0

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2025.

Năm 2020 đến 2024, sự phát triển của ngành thủy sản đã kéo theo sự gia tăng mạnh mẽ sản lượng thủy sản. Tổng sản lượng thủy sản năm 2023 là 9.217,1 tấn, ước tính tăng lên 9.547,0 tấn năm 2024, tổng sản lượng này tăng đều trong 5 năm. Đồng thời sản lượng nuôi trồng thủy sản cũng tăng đều trong 5 năm, trong đó năm 2023 cao nhất là 5.502,4 tấn và ước tính năm 2024 tăng lên 5.721,6 tấn. Sản lượng khai thác năm 2022 và 2023 có tốc độ cao nhất 107,1% và 105,1%. Việc phát triển nuôi biển theo hướng công nghiệp hiện đại và bền vững đang trở thành hướng đi đúng đắn của ngành thủy sản. Nuôi trồng thủy sản được điều chỉnh cơ cấu nuôi hợp lý, phát triển các vùng nuôi tôm, cá tập trung ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường.

Mặc dù ngành nuôi trồng và khai thác thủy sản giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế biển của Việt Nam nhưng hiện nay lĩnh vực này đang gặp nhiều thách thức lớn. Trước hết, việc khai thác nguồn lợi thủy sản - đặc biệt tại khu vực ven bờ - vẫn còn thiếu kiểm soát dẫn đến suy giảm trữ lượng tự nhiên và gây tổn hại đến hệ sinh thái biển. Bên cạnh đó, phần lớn đội tàu khai thác hiện nay có quy mô nhỏ, trang thiết bị lạc hậu và điều kiện bảo quản sau thu hoạch không đạt tiêu

chuẩn, khiến tỷ lệ khai thác không cao và giá trị sản phẩm đầu ra thấp.

Trong lĩnh vực nuôi trồng, còn thiếu quy hoạch tổng thể và quản lý môi trường vùng nuôi. Việc phát triển ồ ạt, tự phát, thiếu hạ tầng kỹ thuật như hệ thống xử lý nước thải, trạm quan trắc môi trường và cảng chuyên dụng phục vụ nuôi biển đã khiến nhiều khu vực rơi vào tình trạng quá tải sinh thái, làm gia tăng rủi ro về dịch bệnh và suy thoái môi trường nước. Những yếu tố này đang làm giảm hiệu quả sản xuất, hạn chế khả năng cạnh tranh trên thị trường và cản trở sự chuyển đổi sang mô hình thủy sản bền vững.

Về phát triển du lịch biển, đảo

Phát triển du lịch biển, đảo chuyên nghiệp, bền vững đã và đang được các quốc gia có lợi thế về biển đảo chú ý quan tâm, khai thác, coi đó là một chiến lược quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Việt Nam là một quốc gia có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển, quy hoạch du lịch biển, đảo... nhằm tạo ra một thị trường thu hút khách du lịch quốc tế, trong nước, qua đó thúc đẩy nhiều ngành kinh tế và tạo ra công ăn việc làm, góp phần xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống của người dân ở nhiều vùng ven biển trong cả nước.

Việt Nam sở hữu một kho tàng tài nguyên biển - đảo rất phong phú, với khoảng 4.000 đảo lớn nhỏ cùng hàng trăm bãi biển trải dài từ Bắc vào Nam. Nhiều điểm đến nổi tiếng như Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh), bãi biển Mỹ Khê (Đà Nẵng), bãi biển An Bàng (Quảng Nam), biển Nha Trang (Khánh Hòa), Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu), đảo Phú Quốc (Kiên Giang) và Cát Bà, Vịnh Lan Hạ (Hải Phòng) được đánh giá có tiềm năng phát triển mạnh mẽ về du lịch biển đảo. Theo Tổng cục Thống kê, ngành du lịch Việt Nam đã phục hồi nhanh sau đại dịch COVID-19, đón khoảng 17,6 triệu lượt khách quốc tế trong năm 2024, tăng gần 40% so với năm 2023 (VOV, 2025). Điều này cho thấy du lịch biển đảo đang là phân khúc trọng điểm, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế biển và phục hồi tăng trưởng du lịch quốc gia.

Với tiềm năng và lợi thế sẵn có, du lịch và dịch vụ biển được xác định là ngành kinh tế biển ưu tiên hàng đầu, hướng tới sự phát triển mạnh mẽ và đột phá đến năm 2030. Nghị quyết 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, ban hành ngày 22/12/2018, đã nhấn mạnh nội dung này trong "Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045". Bên cạnh đó, du lịch biển, đảo cũng được xác định là một trong bốn dòng sản phẩm chủ đạo, có lợi thế của du lịch Việt Nam. Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/1/2020 của Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, khẳng định vai trò quan trọng của du lịch biển, đảo trong việc thúc đẩy kinh tế và phát triển bền vững đời sống nhân dân.

Tuy nhiên, du lịch biển vẫn đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm chất lượng dịch vụ chưa đồng đều, thiếu sản phẩm du lịch đặc thù và tình trạng ô nhiễm môi trường biển do phát triển nóng, tình trạng "du lịch mùa vụ", đông vào dịp lễ tết, vắng vào mùa thấp điểm diễn ra ở nhiều khu du lịch biển. Một số khu du lịch biển đang bị ảnh hưởng bởi rác thải nhựa, nước thải chưa xử lý và xây dựng tràn lan. Ngoài ra, công tác quy hoạch và quản lý còn thiếu tính liên kết vùng và chiến lược dài hạn, thiếu sự phối hợp vùng và kết nối dịch vụ giữa các điểm du lịch biển đảo.

Đánh giá chung

Trong những năm gần đây, kinh tế biển Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đóng vai trò then chốt trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội quốc gia. Hệ thống cảng biển

không ngừng được mở rộng và nâng cấp, với hơn 320 bến cảng và 34 cảng biển lớn, có tổng công suất hàng hóa vượt 700 triệu tấn mỗi năm. Các cảng trọng điểm như Cát Lái, Lạch Huyện và Cái Mép - Thị Vải ngày càng giữ vị thế chiến lược trong chuỗi logistics khu vực và quốc tế. Ngoài ra, lĩnh vực du lịch biển đảo cũng có bước phát triển nhanh, đóng góp khoảng 70% tổng doanh thu du lịch toàn quốc, thu hút hàng triệu lượt khách quốc tế và nội địa mỗi năm. Ngành thủy sản, đặc biệt là nuôi trồng và khai thác biển, tiếp tục duy trì vai trò trụ cột trong xuất khẩu nông - thủy sản, mang lại giá trị hàng chục tỷ USD và tạo sinh kế cho hàng triệu người dân ven biển.

Tuy nhiên, sự phát triển này vẫn bộc lộ nhiều bất cập, đặt ra những thách thức đáng lo ngại. Tình trạng khai thác thủy sản ven bờ thiếu kiểm soát đã dẫn đến suy giảm nhanh chóng trữ lượng tự nhiên và làm mất cân bằng sinh thái biển. Phần lớn đội tàu khai thác có quy mô nhỏ, thiết bị lạc hậu, gây tổn thất lớn sau thu hoạch và làm giảm chất lượng sản phẩm. Trong nuôi trồng thủy sản, việc thiếu quy hoạch tổng thể, thiếu đầu tư hạ tầng kỹ thuật như hệ thống xử lý nước thải, giám sát dịch bệnh, và cảng cá chuyên dụng đã khiến nhiều vùng nuôi rơi vào trạng thái quá tải sinh thái. Mặt khác, mô hình sản xuất vẫn còn phân tán, thiếu liên kết chuỗi và chậm tiếp cận với công nghệ cao, làm giảm năng suất và khả năng cạnh tranh của ngành kinh tế biển. Bên cạnh đó, thách thức từ biến đổi khí hậu, nước biển dâng và xói lở bờ biển đang đe dọa nghiêm trọng đến phát triển bền vững các ngành kinh tế biển và đời sống dân cư ven biển

4. Giải pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế biển trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam

Trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, là kỷ nguyên mà Tổng Bí thư Tô Lâm nhiều lần nhấn mạnh: đây là “kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh, kỷ nguyên thịnh vượng dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được hỗ trợ phát triển, làm giàu; đóng góp ngày càng nhiều cho hòa bình, ổn định, phát triển của khu vực và thế giới, cho hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021), nhằm thực hiện mục tiêu, thể hiện tầm nhìn chiến lược của Đảng: đến giữa thế kỉ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Cũng theo Tổng Bí thư, để hoàn thành mục tiêu chiến lược đến năm 2045, nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021), thì bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, Việt Nam phải phấn đấu đạt chỉ tiêu tăng trưởng GDP hai con số. Đây là thách thức lớn cho toàn bộ nền kinh tế và thực hiện điều này đòi hỏi sự nỗ lực, cố gắng, phấn đấu của toàn Đảng, hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó, đẩy mạnh phát triển kinh tế biển là một trong những nội dung hết sức cấp thiết. Theo đó, cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

Đối với phát triển giao thông vận tải biển và dịch vụ logistics

Giao thông vận tải biển và dịch vụ logistics đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế biển của Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh quốc gia đang hội nhập sâu vào chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu. Tuy nhiên, hiện nay hệ thống cảng biển còn phân tán, thiếu tính liên kết và năng lực logistics chưa đáp ứng được yêu cầu của một nền kinh tế biển hiện đại. Để khắc phục tình trạng này, cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp.

Trước hết, việc quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển cần được điều chỉnh theo hướng tích hợp và chuyên môn hóa, trong đó ưu tiên đầu tư nâng cấp các cảng cửa ngõ quốc tế như Lạch

Huyện và Cái Mép, Thị Vải thành trung tâm trung chuyển hàng hải cấp khu vực. Song song với đó, hạ tầng giao thông kết nối (bao gồm đường bộ, đường sắt và thủy nội địa) phải được phát triển đồng bộ nhằm hình thành mạng lưới vận tải đa phương thức hiệu quả. Bên cạnh đó, việc xây dựng các trung tâm logistics tích hợp ven biển có chức năng lưu kho, phân phối và giao nhận hàng hóa sẽ góp phần giảm chi phí vận tải và nâng cao năng lực chuỗi cung ứng. Ở phương diện quản lý, cải cách thể chế và hiện đại hóa quy trình thủ tục cảng biển, bao gồm ứng dụng hải quan điện tử, hệ thống logistics số và nền tảng dữ liệu chia sẻ, là những giải pháp cấp thiết để nâng cao hiệu quả vận hành. Cuối cùng, việc đào tạo nguồn nhân lực logistics chất lượng cao và mở rộng hợp tác quốc tế trong đầu tư, công nghệ và chia sẻ kinh nghiệm quản trị là yếu tố không thể thiếu nhằm nâng cao tính cạnh tranh của hệ thống giao thông vận tải biển Việt Nam trong thời đại kinh tế số và toàn cầu hóa.

Đối với phát triển nuôi trồng và khai thác thủy hải sản

Để phát triển bền vững lĩnh vực nuôi trồng và khai thác thủy hải sản trong bối cảnh biến đổi khí hậu, hội nhập sâu rộng và áp lực cạnh tranh toàn cầu, cần chuyển đổi tư duy từ "sản xuất khối lượng" sang "quản trị hệ sinh thái biển có giá trị cao". Trước hết, cần xây dựng cơ chế điều phối linh hoạt giữa các vùng biển dựa trên đặc điểm sinh thái vùng, loại hình thủy sản đặc thù, nhằm tối ưu hóa sản lượng mà không gây suy thoái môi trường. Đồng thời, ứng dụng công nghệ cảm biến môi trường, bản đồ sinh học số và hệ thống dự báo động lực biển theo thời gian thực sẽ giúp người nuôi và ngư dân điều chỉnh lịch vụ mùa phù hợp, giảm thiểu rủi ro dịch bệnh và thiên tai. Về khai thác, thay vì đầu tư dàn trải đội tàu xa bờ, cần tập trung phát triển các tổ đội khai thác hợp tác theo mô hình "ngư dân số", trong đó mỗi cụm tàu được kết nối qua mạng quản lý hành trình, chia sẻ ngư trường và áp dụng quy trình khai thác có kiểm soát. Về nuôi biển, cần định hình không gian nuôi theo mô hình phân tầng sinh thái, kết hợp giữa nuôi cá nổi, rong biển và sinh vật học, giúp tận dụng tài nguyên nước và làm sạch môi trường. Ngoài ra, cần chuyển từ chuỗi giá trị tuyến tính sang mạng lưới sản xuất tuần hoàn, trong đó phế phẩm từ nuôi trồng được tái chế thành thức ăn, chế phẩm sinh học hoặc vật liệu sinh khối, góp phần giảm chi phí và phát triển kinh tế xanh. Cuối cùng, phát triển thủy sản trong thế kỷ XXI không thể tách rời yếu tố xã hội - cần bảo vệ sinh kế bền vững cho cộng đồng ven biển, thông qua cơ chế chia sẻ lợi ích, bảo hiểm nghề cá và đào tạo lại lao động gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế biển.

Đối với phát triển du lịch biển, đảo

Trong bối cảnh yêu cầu về phát triển bền vững ngày càng trở nên cấp thiết, du lịch biển và đảo tại Việt Nam cần được tái cấu trúc theo hướng tiếp cận sinh thái - văn hóa - công nghệ, thay vì tiếp tục mở rộng quy mô theo tư duy khai thác đại trà. Trước hết, việc phát triển sản phẩm du lịch cần chuyển từ mô hình "hướng đến đại chúng" sang mô hình "thiết kế trải nghiệm theo chiều sâu", trong đó mỗi điểm đến không chỉ phục vụ nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng mà còn truyền tải được giá trị văn hóa bản địa, hệ sinh thái đặc thù và bản sắc ngư nghiệp truyền thống. Điều này đòi hỏi phải đầu tư phát triển đội ngũ hướng dẫn viên và cộng đồng địa phương như những "người kể chuyện di sản biển", từ đó nâng cao hàm lượng văn hóa trong từng hành trình du lịch. Mặt khác, cần xây dựng nền tảng hạ tầng mềm thông minh cho du lịch biển - bao gồm hệ thống bản đồ số tương tác, cảm nang số điểm đến ven biển tích hợp ngôn ngữ và dữ liệu thời gian thực - nhằm giúp du khách tự điều phối lịch trình phù hợp với điều kiện thời tiết, dòng khách và sức chứa môi

trường. Bên cạnh đó, để tránh hiện tượng quá tải cục bộ tại các điểm đến nổi tiếng, cần áp dụng cơ chế phân tầng không gian du lịch theo thời gian - kết hợp giữa khu lõi, vùng đệm và khu vực phục hồi - để duy trì cân bằng giữa phát triển và phục hồi sinh thái. Một giải pháp mang tính đột phá khác là phát triển các mô hình du lịch biển không tiếp xúc trực tiếp, như thực tế ảo (VR tour) và du lịch giáo dục trực tuyến qua nền tảng số, đặc biệt trong giai đoạn gián đoạn do thiên tai hoặc dịch bệnh. Cuối cùng, yếu tố quản trị không gian biển vì mục đích du lịch cần được nâng lên tầm thể chế thông qua thiết lập hành lang pháp lý riêng cho phát triển du lịch biển, đảo, trong đó quy định rõ sức chứa sinh thái, giới hạn phát triển xây dựng, và cơ chế chia sẻ lợi ích cho cộng đồng dân cư ven biển.

5. Kết luận và gợi ý chính sách

Với vị trí địa chính trị quan trọng, được ví như ban công hướng ra biển Đông, và quản lý vùng đặc quyền kinh tế với trên 1 triệu km² mặt biển, Việt Nam là quốc gia có nhiều lợi thế để phát triển kinh tế biển. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tương đối hiệu quả từ phát triển kinh tế biển trong những năm qua, các lĩnh vực kinh tế biển của Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế cả về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, nguồn nhân lực, vốn đầu tư, kinh nghiệm quản trị... Vì vậy, kinh tế biển của nước ta phát triển chưa hết tiềm năng và thiếu bền vững, chưa trở thành ngành kinh tế chủ lực để dẫn dắt và thúc đẩy nền kinh tế quốc dân.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, xu hướng phát triển kinh tế biển là vấn đề tất yếu khách quan, nhất là trong bối cảnh cạnh tranh chính trị, cạnh tranh kinh tế, thương mại diễn ra ngày càng gay gắt và khốc liệt hiện nay. Theo đó, việc quan tâm đẩy mạnh phát triển kinh tế biển là định hướng mang tính cấp thiết trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Để đẩy mạnh phát triển kinh tế biển trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc là một bài toán khó, đòi hỏi Đảng, Nhà nước và các cấp, các ngành, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư, chủ tàu, ngư dân, người lao động cần đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức, có quyết tâm thực hiện chủ trương, chính sách, chiến lược, quy hoạch kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đồng thời cần đổi mới sáng tạo trong ứng dụng khoa học, công nghệ theo mục tiêu tăng trưởng bền vững, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số; tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật như cảng biển, luồng biển và trang thiết bị phục vụ cho tàu hàng hải ra vào, bốc dỡ hàng; tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, bảo đảm an ninh, an toàn trên vùng biển thuộc chủ quyền, quyền tài phán của nước ta.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW “Về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”*, Hà Nội ngày 22/12/2024.
2. Bộ Công Thương (2024). *Báo cáo Logistics Việt Nam 2024 Khu Thương mại tự do*, Nxb Công Thương, Hà Nội.
3. Bộ Giao thông vận tải (2024). *Báo cáo Hội nghị tổng kết năm 2023 và triển khai kế hoạch năm 2024*, Hà Nội ngày 28 tháng 12 năm 2023.
4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (1995-1996). *Đề án “Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế biển, vùng ven biển và các hải đảo Việt Nam đến năm 2010”*, Hà Nội.

5. Bùi Tất Thắng (2007), Về chiến lược phát triển kinh tế biển của Việt Nam, *Tạp chí Kinh tế và dự báo*, số 7/2007.
6. Chính phủ (2022). *Quyết định số 203/QĐ-TTg, ngày 6-2-2020, của Thủ tướng Chính phủ, “Về việc thành lập Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”*, Hà Nội.
7. Chính phủ (2022). *Quyết định số 729/QĐ-TTg, ngày 16-6-2022, của Thủ tướng Chính phủ, “Về Chương trình truyền thông về biển và đại dương đến năm 2030”*, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018). *Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22-10-2018, của Hội nghị Trung ương 8 khóa XII về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập I, tập II.
12. Dur Văn Toán (2024). *Điện gió ngoài khơi là “bộ phận” cho phát triển kinh tế biển Việt Nam*, trang thông tin điện tử của Cục Thông tin Đối ngoại, Bộ Thông tin và Truyền thông, 07/11/2024; truy cập 05/01/2025 tại <https://www.vietnam.vn/ts-du-van-toan-dien-gio-ngoai-khoi-la-be-phong-cho-phat-trien-kinh-te-bien-viet-nam/>
13. Đào Duy Quát, Phạm Văn Linh (2008). *Phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Lê Quốc Bang (2018). *Kinh tế biển*, *Tạp chí Lý luận Chính trị điện tử*, ngày 27/4/2018; truy cập 02/01/2025 tại <https://lyluanchinhtri.vn/kinh-te-bien-108.html>.
15. Minh Châu (2024). *Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam*, *Báo Đảng Cộng sản Việt Nam điện tử*, ngày 25/11/2024; <https://dangcongsan.vn/xay-dung-dang/ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-viet-nam-684307.html>
16. Nguyễn Thị Thu Hoà (2023). *Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*. *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 24/5/2023. Truy cập ngày 02/01/2025 tại <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/kinh-te-/2018/827401/phat-trien-ben-vung-kinh-te-bien-viet-nam-den-nam-2030%2C-tam-nhin-den-nam-2045.aspx>
17. Alfred T. Mahan (1890). *The Influence of Sea Power upon History, 1660–1783*, Boston: Little, Brown and Company
18. Park Brian Roach, Jonatan Rubin & Charles Morris (1999). “Measuring Maine’s Marine Economy”, *Maine Policy Review*, *Volum 8, Issue 2, Fall*.
19. Quốc hội (2012). *Luật biển Việt Nam*. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-thong-Van-tai/Luat-bien-Viet-Nam-2012-143494.aspx>.
20. Tổng cục thống kê (2025). *website: https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/01/phat-trien-thuy-san-theo-huong-ben-vung-o-viet-nam-giai-doan-2016-2024/*
21. Viện Ngôn ngữ học (2003). *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm Từ điển học. Nxb. Đà Nẵng.
22. Xu Zhibin (1995). *Kinh tế biển và khoa học kinh tế biển*. *Tạp chí Khoa học biển*.